

BẢN TIN PHÁP LUẬT

01 & 02/2019

NỘI DUNG CHÍNH

- 1** Các công việc và báo cáo mà doanh nghiệp phải thực hiện trong tháng 03/2019
- 2** Tiếp tục được nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng trong năm 2019
- 3** Bán lại hàng nhập khẩu cho DNCX được hoàn thuế nhập khẩu và miễn thuế xuất khẩu
- 4** Hạn mức tăng ca 30 giờ/tháng vẫn còn áp dụng
- 5** Hồ sơ xin giấy phép lao động phải hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt
- 6** Chi phí tiền lương của lao động nước ngoài sẽ không được trừ khi tính thuế nếu thiếu giấy phép lao động

CÁC CÔNG VIỆC VÀ BÁO CÁO MÀ DOANH NGHIỆP PHẢI THỰC HIỆN TRONG THÁNG 03/2019

1

Thông báo tình hình biến động lao động tháng 02/2019 (nếu có)

- Thời hạn: Trước ngày 03/03/2019
- Căn cứ pháp lý: Khoản 2, Điều 16, Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/07/2015.

Trong trường hợp doanh nghiệp có biến động (tăng/giảm) về số lượng người lao động làm việc thì trước ngày 03 của tháng liền kề, doanh nghiệp phải gửi thông báo về Trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở.

3

Nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn tháng 02/2019

- Thời hạn: Chậm nhất là ngày 20/03/2019
- Căn cứ pháp lý: Điều 27, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014.

Hàng tháng, doanh nghiệp sẽ thực hiện việc báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (kể cả khi trong kỳ không sử dụng hóa đơn) chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo.

Doanh nghiệp thuộc diện nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng là:

- Doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn tự in, đặt in có hành vi vi phạm về hóa đơn bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế, gian lận thuế.
- Doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế thuộc diện mua hóa đơn của cơ quan thuế.

► Lưu ý: Việc báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng được thực hiện trong thời gian 12 tháng kể từ ngày thành lập hoặc kể từ ngày chuyển sang diện mua hóa đơn của cơ quan thuế.

2

Nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN) tháng 02/2019

- Thời hạn: Chậm nhất là ngày 20/03/2019
- Căn cứ pháp lý: Điểm a, Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013.

Trong tháng, nếu doanh nghiệp có khấu trừ thuế TNCN thì phải thực hiện nộp hồ sơ khai thuế TNCN tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp, chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng liền sau.

► Lưu ý: Quy định trên áp dụng đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức khai thuế theo tháng; nếu trong tháng không phát sinh khấu trừ thuế TNCN thì doanh nghiệp không phải kê khai tháng đó.

4

Nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng 02/2019

- Thời hạn: Chậm nhất là ngày 20/03/2019
- Căn cứ pháp lý: Điều 15, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 và Điểm a, Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013.

Hàng tháng, doanh nghiệp có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề trên 50 tỷ đồng thì phải nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng của tháng đó, chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng liền sau.

5

Trích nộp kinh phí Công đoàn của tháng 03/2019

Đây là nghĩa vụ của doanh nghiệp, không phân biệt là đã có hay chưa có tổ chức Công đoàn.

Mức đóng kinh phí Công đoàn là 2% của quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) cho người lao động (NLĐ), đóng cùng thời điểm đóng BHXH bắt buộc cho NLĐ.



Nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2018

- Thời hạn: Chậm nhất ngày 31/03/2019
- Căn cứ pháp lý: Điểm đ, Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính (đối với các doanh nghiệp lựa chọn kỳ kế toán khác năm dương lịch), doanh nghiệp phải nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến Chi cục Thuế quản lý trực tiếp.



Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2018

- Thời hạn: Chậm nhất ngày 31/03/2019
- Căn cứ pháp lý: Theo Điểm d, Khoản 1, Điều 16, Thông tư số 156.

Chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch, doanh nghiệp phải thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân dù phát sinh hay không phát sinh khấu trừ thuế trong năm và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền.



Trích nộp tiền bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của tháng 03/2019

- Thời hạn: Chậm nhất ngày 31/03/2019
- Căn cứ pháp lý: Điều 7, Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/04/2017.

Chậm nhất ngày cuối cùng của tháng, doanh nghiệp sẽ trích tiền đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN trên quỹ tiền lương tháng của NLĐ tham gia BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN.

Đồng thời trích từ tiền lương tháng đóng các loại bảo hiểm trên của từng NLĐ theo mức quy định để nộp cho cơ quan BHXH cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở, chi nhánh của doanh nghiệp sẽ đóng tại cơ quan BHXH nơi chi nhánh hoạt động.

TIẾP TỤC ĐƯỢC NHẬP KHẨU MÁY MÓC ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRONG NĂM 2019

Công văn số 367/TCHQ-GSQL ngày 15/01/2019 của Tổng cục Hải quan quy định về thời hạn thực hiện quy định nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

Công văn yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh tiếp tục giải quyết thủ tục nhập khẩu cho máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo chỉ đạo của Chính phủ tại Điểm 8, Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 31/12/2018.

Trong phiên họp thường kỳ tháng 12/2018, Chính phủ đã thống nhất tiếp tục áp dụng quy định tại Khoản 6, Điều 72, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP về nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng cho đến thời điểm Quyết định của Thủ tướng về vấn đề này có hiệu lực thi hành, thay vì trước đó chỉ được nhập khẩu đến hết ngày 31/12/2018 (Điểm 8, Nghị quyết số 162/NQ-CP).

BÁN LẠI HÀNG NHẬP KHẨU CHO DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT (DNCX) ĐƯỢC HOÀN THUẾ NHẬP KHẨU VÀ MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU

Công văn số 1011/TXNK-CST ngày 23/01/2019 của Tổng cục Hải quan trả lời về vướng mắc liên quan đến hoàn thuế nhập khẩu và miễn thuế xuất khẩu.

Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 34, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan được xét hoàn thuế nhập khẩu và miễn thuế xuất khẩu.

Theo đó, trường hợp Công ty nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài hoặc từ DNCX sau đó bán lại cho DNCX khác thì được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp, đồng thời được miễn thuế xuất khẩu.

Tuy nhiên, hàng hóa nhập khẩu bán lại cho DNCX khác phải đảm bảo điều kiện chưa qua sử dụng, gia công, chế biến tại Việt Nam (Điểm c, Khoản 1, Điều 19, Luật thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13).

HẠN MỨC TĂNG CA 30 GIỜ/THÁNG VẪN CÒN ÁP DỤNG

Công văn số 337/LĐT BXH-PC ngày 15/01/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về làm thêm giờ tối đa trong tháng.

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 106, Bộ luật lao động số 10/2012/QH13, tổng số giờ làm thêm (tăng ca) tối đa không được vượt quá 12 giờ/ngày, 30 giờ/tháng và 200 giờ/năm (hoặc 300 giờ/năm đối với những trường hợp đặc biệt).

Theo Bộ Lao động, Bộ Luật nêu trên đang còn hiệu lực thi hành, do đó quy định về hạn mức tăng ca không quá 30 giờ/tháng vẫn còn được áp dụng.

Hiện nay, Bộ Lao động đang được giao xây dựng dự thảo Bộ luật lao động sửa đổi, trong đó có sửa đổi quy định về giờ làm thêm tối đa theo kiến nghị của nhiều doanh nghiệp, hiệp hội, tuy nhiên vấn đề này chỉ mới đang nghiên cứu, thảo luận.

Đối với quy định về giờ làm thêm, nhiều doanh nghiệp, hiệp hội đang kiến nghị sửa đổi theo hướng tăng hạn mức tối đa và bỏ giới hạn làm thêm theo tháng để tạo sự linh hoạt trong việc thỏa thuận làm thêm giờ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp và tăng thu nhập cho người lao động.

HỒ SƠ XIN GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG PHẢI HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ VÀ DỊCH RA TIẾNG VIỆT

Công văn số 14191/CVL-QLLĐ ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trả lời về thủ tục xin giấy phép lao động cho người nước ngoài.

Hồ sơ xin giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam được quy định tại Điểm a, Khoản 9, Điều 10, Nghị định số 11/2016/NĐ-CP.

Theo đó, các giấy tờ của nước ngoài nộp trong hồ sơ xin giấy phép lao động bắt buộc phải được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp được miễn), dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI SẼ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ KHI TÍNH THUẾ NẾU THIẾU GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG

Công văn số 6351/CT-TTHT ngày 15/02/2019 của Cục Thuế TP. Hà Nội trả lời về chi phí đối với lao động nước ngoài không được cấp giấy phép lao động.

Theo Công văn này, trường hợp doanh nghiệp thuê người nước ngoài để làm việc tại Việt Nam nhưng chưa được cấp giấy phép lao động theo quy định thì chưa đủ cơ sở để được hạch toán và khấu trừ thuế đối với các khoản chi phí chi trả cho lao động nước ngoài.



Theo Điều 171, Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13, người lao động nước ngoài phải xuất trình giấy phép lao động khi làm các thủ tục liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và xuất trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam nếu không có giấy phép lao động sẽ bị trục xuất. Riêng doanh nghiệp thuê người nước ngoài không có giấy phép lao động sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

LƯU Ý:

"Bản tin này được thực hiện nhằm cung cấp thêm thông tin cho quý khách hàng. Mặc dù chúng tôi rất chú trọng tới vấn đề đảm bảo tính chính xác, tuy nhiên những thông tin được cung cấp thông qua bản tin này không mang tính toàn diện tuyệt đối và quý khách hàng nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi áp dụng"